

Số: 3374/KL-STC

Ninh Thuận, ngày 20 tháng 11 năm 2020

KẾT LUẬN THANH TRA

Về công tác quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn ngân sách,
nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu khác tại
Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang-Tháp Chàm

Thực hiện Quyết định số 60/QĐ-STC ngày 04/8/2020 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách, nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu khác trong 02 năm 2018, 2019 tại Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 51/BC-TTr ngày 23/10/2020 của Đoàn Thanh tra về báo cáo kết quả thanh tra tình hình tài chính năm 2018, 2019 tại Trung tâm Y tế Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm; ý kiến giải trình của Trung tâm,

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG:

1. Tổng quan về Trung tâm Y tế Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm:

Trung tâm Y tế Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm (gọi tắt là Trung tâm) chính thức được thành lập từ tháng 01/1992 trực thuộc UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm quản lý. Đến năm 1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 85/1998/QĐ ngày 24/01/1998 chuyển Trung tâm trực thuộc Sở Y tế quản lý; hiện nay chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Phan Rang-Tháp Chàm được thực hiện theo Quyết định số 4594/QĐ-SYT ngày 23/12/2018 của Sở Y tế.

Trung tâm có chức năng thực hiện công tác Y tế dự phòng và khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn thành phố; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Sở Y tế, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị sự nghiệp chuyên ngành trực thuộc Sở Y tế.

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế Ninh Thuận, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính giai đoạn 2018-2021 tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao quyền tự chủ tài chính năm 2018 và Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2019-2021 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm được Sở Y tế xếp hạng là đơn vị y tế dự phòng hạng III theo Quyết định số 2430/QĐ-SYT ngày 06/9/2013 và Quyết định số 1844/QĐ-SYT ngày 27/5/2019 của Sở Y tế. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; được mở tài khoản theo quy định của pháp luật để

thực hiện hoạt động giao dịch; trụ sở số 364 đường Ngô Gia Tự, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Cơ cấu tổ chức, nhân sự:

Về tổ chức: Lãnh đạo Trung tâm gồm có Giám đốc và 01 Phó giám đốc; 04 phòng chức năng, 04 chuyên khoa, 02 phòng khám đa khoa khu vực (gồm: phòng khám Tháp Chàm và phòng khám tại Trung tâm) và 14 Trạm Y tế xã/phường thực hiện chức năng khám bệnh, chữa bệnh, điều trị bệnh nhân ngoại trú.

Nhân sự: biên chế ổn định trong 2 năm là 200 biên chế/năm (Tại trung tâm: 87 biên chế; Tại xã, phường, thị trấn: 113 biên chế) tại Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp, hợp đồng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018 và Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2019. Ngoài ra, có 01 Hợp đồng (với bà Diệu Hiền) làm công việc giữ xe chi trả trên bảng lương riêng.

3. Chính sách kế toán, tài chính:

Trung tâm thực hiện chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính; chế độ kế toán, báo cáo tài chính thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Mô hình tổ chức công tác tài chính, kế toán: Bộ phận quản lý tài chính của Trung tâm gồm 04 người (03 kế toán, thủ quỹ).

Nguồn thu của Trung tâm bao gồm: Nguồn kinh phí ngân sách, thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác.

Văn bản áp dụng:

- Đối với thu viện phí: Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp (thay Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015); Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (thay Quyết định số 137/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017);

- Chi con người: Thực hiện các văn bản theo quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại... (Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch; Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định

chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại...),...

Mua sắm tài sản, trang thiết bị: Thực hiện theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ duy trì hoạt động thường xuyên đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và một số văn bản khác quy định về đấu thầu mua sắm tài sản.

Năm tài chính của Trung tâm áp dụng theo năm dương lịch, bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH:

I. Tình hình hoạt động tài chính trong 02 năm 2018, 2019:

1. Nguồn kinh phí ngân sách cấp:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
I	Kết dư ngân sách năm trước	39.713.043	425.507.485
1	Kinh phí thường xuyên	39.713.043	425.507.485
	Kinh phí hoạt động	16.495.859	425.507.485
	Tiết kiệm 10% CCTL	23.217.184	-
II	Ngân sách cấp trong năm	13.705.691.657	16.781.514.570
1	Kinh phí thường xuyên	13.705.691.657	14.809.277.842
	Kinh phí hoạt động	13.088.080.000	14.674.087.842
	Điều chỉnh mức lương cơ sở do chưa kết cấu trong giá dịch vụ	548.231.657	-
	Tiết kiệm 10% CCTL	69.380.000	135.190.000
2	Kinh phí không thường xuyên	-	1.972.236.728
	Chi mua sắm trang thiết bị y tế	-	1.878.814.000
	Tinh giảm biên chế theo Nghị định số 108/NĐ-CP	-	93.422.728
III	Số sử dụng đề nghị quyết toán	13.319.897.215	15.173.361.610
1	Kinh phí thường xuyên	13.319.897.215	13.201.124.882
	Kinh phí hoạt động	12.790.076.690	13.065.934.882
	Điều chỉnh mức lương cơ sở do chưa kết cấu trong giá dịch vụ	437.223.341	-
	Tiết kiệm 10% CCTL	92.597.184	135.190.000
2	Kinh phí không thường xuyên	-	1.972.236.728
	Mua sắm trang thiết bị y tế	-	1.878.814.000
	Tinh giảm biên chế theo Nghị định số 108/NĐ-CP	-	93.422.728

IV	Số còn lại cuối năm	425.507.485	2.033.660.445
1	Kinh phí thường xuyên	425.507.485	2.033.660.445
	Kinh phí hoạt động	425.507.485	2.033.660.445

2. Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh:

Đơn vị: đồng

A	Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh	Năm 2018	Năm 2019
I	Kế hoạch giường bệnh (giường)	20	20
II	Giao dự toán thu (kể cả giao bổ sung)	16.000.000.000	18.000.000.000
	Chi phí thuốc, VTYT, chi phí trực tiếp	15.046.000.000	16.800.000.000
	Trích lập 35% CCTL	334.000.000	420.000.000
	Bổ sung kinh phí hoạt động	620.000.000	780.000.000
III	Số dư năm trước chuyển sang	2.976.112.928	3.531.180.617
	Nguồn dịch vụ KCB	2.976.112.928	3.531.180.617
IV	Tổng thu trong năm	17.057.900.293	17.279.989.056
	Từ nguồn dịch vụ KCB (BHYT)	15.061.788.308	15.853.391.965
	Từ nguồn dịch vụ KCB (người bệnh)	1.996.111.985	1.426.597.091
V	Tổng chi	15.672.068.817	16.731.837.708
1	Chi mua thuốc, VTYT, chi phí trực tiếp	14.450.128.973	15.834.309.162
2	Chi trực, phẫu thuật, thủ thuật	234.160.500	215.296.000
3	Chi hoạt động	987.779.344	682.232.546
VI	Số chênh lệch	4.361.944.404	4.079.331.965
1	Trích lập nguồn cải cách tiền lương	830.763.787	430.634.363
2	Số được sử dụng còn lại trong năm	3.531.180.617	3.648.697.602
3	Số được phân phối trong năm	3.531.180.617	3.648.697.602
	Trích lập các quỹ	-	882.268.904
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	30.000.000
	- Quỹ khen thưởng	-	140.000.000
	- Quỹ phúc lợi	-	300.000.000
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (TNTT)	-	412.268.904
	Số còn phải trích lập quỹ	3.531.180.617	2.766.428.698

3. Nguồn thu khác:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
I	Số dư năm trước chuyển sang	181.990.155	271.120.861
1	Nguồn thu để lại	106.263.687	157.331.311
	Thu dịch vụ giữ xe	97.360.806	154.455.430
	Thu bán hồ sơ mời thầu	6.387.916	360.916
	Thu tiền xét tuyển	2.514.965	2.514.965

2	Nguồn cải cách tiền lương	75.726.468	113.789.550
	Thu dịch vụ giữ xe	63.906.819	101.969.901
	Thu bán hồ sơ mời thầu	10.143.006	10.143.006
	Thu tiền xét tuyển	1.676.643	1.676.643
II	Tổng thu	152.400.000	201.700.000
1	Thu dịch vụ giữ xe	152.400.000	147.000.000
2	Thu bán hồ sơ mời thầu	-	5.200.000
3	Thu tiền xét tuyển	-	5.500.000
4	Thu thanh lý tài sản	-	44.000.000
III	Tổng chi	63.269.294	66.943.342
1	Chi phí dịch vụ giữ xe	57.242.294	53.440.430
2	Chi công tác đấu thầu	6.027.000	3.926.000
3	Chi hoạt động xét tuyển	-	6.056.912
4	Chi hoạt động thanh lý tài sản	-	3.520.000
IV	Số Trích lập trong năm	38.063.082	78.043.828
1	Trích lập 40% CCTL (thu tiền giữ xe)	38.063.082	37.563.828
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (nguồn thanh lý tài sản)	-	40.480.000
V	Số chênh lệch	271.120.861	365.397.519
1	Nguồn thu để lại	157.331.311	214.044.141
	Thu dịch vụ giữ xe	154.455.430	210.451.172
	Thu bán hồ sơ mời thầu	360.916	1.634.916
	Thu tiền xét tuyển	2.514.965	1.958.053
2	Nguồn cải cách tiền lương	113.789.550	151.353.378
	Thu dịch vụ giữ xe	101.969.901	139.533.729
	Thu bán hồ sơ mời thầu	10.143.006	10.143.006
	Thu tiền xét tuyển	1.676.643	1.676.643

4. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu dịch vụ Khám chữa bệnh và thu khác:

Đơn vị: đồng			
STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
I	Số CCTL năm trước chuyển sang	2.004.880.725	2.176.960.432
1	Thu dịch vụ Khám chữa bệnh	1.929.154.257	2.063.170.882
2	Thu dịch vụ giữ xe	63.906.819	101.969.901
3	Thu bán hồ sơ mời thầu	10.143.006	10.143.006
4	Thu tiền xét tuyển	1.676.643	1.676.643
II	Số CCTL trích trong năm	868.826.869	468.198.191
1	Trích lập 35% CCTL (DV KCB)	830.763.787	430.634.363
2	Trích lập 40% CCTL (thu tiền giữ xe)	38.063.082	37.563.828
III	Số CCTL chi trong năm	696.747.162	1.292.027.549
1	Chi từ nguồn dịch vụ Khám chữa bệnh	696.747.162	1.292.027.549

IV	Số CCTL chuyển năm sau	2.176.960.432	1.353.131.074
1	Thu dịch vụ Khám chữa bệnh	2.063.170.882	1.201.777.696
2	Thu dịch vụ giữ xe	101.969.901	139.533.729
3	Thu bán hồ sơ mời thầu	10.143.006	10.143.006
4	Thu tiền xét tuyển	1.676.643	1.676.643

5. Trích lập và sử dụng các quỹ từ nguồn ngân sách, nguồn thu Khám chữa bệnh và thu khác:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
I	Số tồn các quỹ năm trước	385.157.600	291.344.600
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	113.531.600	91.828.600
2	Quỹ khen thưởng	81.200.000	16.540.000
3	Quỹ phúc lợi	50.426.000	22.976.000
4	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	140.000.000	160.000.000
II	Trích lập quỹ trong năm	240.000.000	922.748.904
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	20.000.000	70.480.000
2	Quỹ khen thưởng	50.000.000	140.000.000
3	Quỹ phúc lợi	150.000.000	300.000.000
4	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	20.000.000	412.268.904
III	Số chi các quỹ trong năm	333.813.000	881.951.904
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	41.703.000	47.800.000
2	Quỹ khen thưởng	114.660.000	128.980.000
3	Quỹ phúc lợi	177.450.000	322.903.000
4	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (TNTT)	-	382.268.904
IV	Số tồn các quỹ cuối năm	291.344.600	332.141.600
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	91.828.600	114.508.600
2	Quỹ khen thưởng	16.540.000	27.560.000
3	Quỹ phúc lợi	22.976.000	73.000
4	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (TNTT)	160.000.000	190.000.000

II. Kết quả thanh tra:

1. Tình hình quản lý và sử dụng các nguồn tại Trung tâm:

Qua đối chiếu số chi tiết từng tài khoản khớp đúng số liệu trên Bảng cân đối tài khoản, nhưng tài khoản 112 phát sinh tăng, giảm không khớp số liệu xác nhận của Kho bạc nhà nước tỉnh.

Theo số liệu do Trung tâm cung cấp, và qua đối chiếu số phát sinh tại kho bạc nhận thấy nguồn kinh phí khen thưởng, kinh phí cấp hỗ trợ bệnh nhân nghèo Trung tâm không phản ánh trên báo cáo tài chính (do Sở Y tế cấp) với số tiền: 388.894.000 đồng (năm 2018: 373.446.000đ, năm 2019: 15.448.000đ).

2. Đối với nguồn ngân sách cấp:

Trung tâm thực hiện tốt các quy định về xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, kịp thời chi trả các chế độ chính sách cho cán bộ, viên chức đúng quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra nhận thấy Trung tâm vẫn còn một số tồn tại sau:

- Đối với chi nghỉ phép năm trong năm 2018: Trung tâm đã sử dụng nguồn ngân sách để thanh toán chế độ nghỉ phép năm cho 03 đối tượng (Trương Khánh Tiến, Hồ Thị Hà, Bùi Thị Thuấn) không đúng quy định tại Điều 3 Thông tư 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính Quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, số tiền 6.948.000 đồng;

- Đối với chi chế độ trực lễ, tết: Trung tâm đã chi trực lễ tết không đúng quy định tại Thông báo số 90/TB-UBND ngày 27/8/2018 về việc nghỉ lễ, treo cờ tổ quốc nhân kỷ niệm 73 năm quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2018) và Thông báo số 28/TB-UBND ngày 05/4/2019 về việc nghỉ lễ, treo cờ tổ quốc nhân Ngày giỗ tổ Hùng Vương (10/3 Âm lịch); kỷ niệm 44 năm Ngày giải phóng tỉnh Ninh Thuận; giải phóng miền nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2019) và Ngày quốc tế lao động (01/5) với số tiền 32.720.000 đồng (năm 2018: 9.360.000 đồng; năm 2019: 23.360.000 đồng);

- Đối với phụ cấp chức vụ của Trưởng và Phó các Trạm Y tế xã, phường trực thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm được Trung tâm quyết định mức phụ cấp chức vụ: Trưởng trạm Y tế xã, phường: 0,2; Phó trưởng trạm Y tế xã, phường: 0,15 là áp dụng theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế nhưng Thông tư số 23/2005/TT-BYT là hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

3. Đối với nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác:

Trung tâm thực hiện tốt quy định theo Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp (thay Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015); Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (thay Quyết định số 137/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017).

Trung tâm quản lý và sử dụng nguồn dịch vụ để chi trả lương, phụ cấp, các khoản đóng góp bắt buộc đối với cán bộ, viên chức tại phòng khám Tháp Chàm và phòng khám tại Trung tâm; và chi trả phụ cấp độc hại, phụ cấp ưu đãi nghề đúng theo quy định tại Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 19/01/2012.

Đối với nguồn thu khác, Trung tâm xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng.

4. Trích lập bổ sung cải cách tiền lương đối với nguồn thu dịch vụ Khám chữa bệnh:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4 - 3
Năm 2017				
I	Doanh thu	14.477.820.790	13.307.620.309	-1.170.200.481
1	Nguồn dịch vụ KCB (BHYT)	12.653.200.481	11.483.000.000	-1.170.200.481
2	Nguồn dịch vụ KCB (không thẻ)	1.824.620.309	1.824.620.309	-
II	Chi phí trực tiếp (lương, thuốc...)	11.096.349.357	11.096.349.357	-
III	Số còn lại	3.381.471.433	2.211.270.952	-1.170.200.481
IV	Trích lập bổ sung 35% CCTL năm 2017	1.183.515.002	773.944.833	-409.570.168
Năm 2018				
I	Doanh thu	17.057.900.293	19.090.111.985	2.032.211.692
1	Nguồn dịch vụ KCB (BHYT)	15.061.788.308	17.094.000.000	2.032.211.692
2	Nguồn dịch vụ KCB (không thẻ)	1.996.111.985	1.996.111.985	-
II	Chi phí trực tiếp (lương, thuốc...)	14.684.289.473	14.684.289.473	-
III	Số còn lại	2.373.610.820	4.405.822.512	2.032.211.692
IV	Trích lập bổ sung 35% CCTL năm 2018	830.763.787	1.542.037.879	711.274.092
Năm 2019				
I	Doanh thu	17.279.989.056	16.073.084.391	-1.206.904.665
1	Nguồn dịch vụ KCB (BHYT)	15.853.391.965	14.646.487.300	-1.206.904.665
2	Nguồn dịch vụ KCB (không thẻ)	1.426.597.091	1.426.597.091	-
II	Chi phí trực tiếp (lương, thuốc...)	16.049.605.162	16.049.605.162	-
III	Số còn lại	1.230.383.894	23.479.229	-1.206.904.665
IV	Trích lập bổ sung 35% CCTL năm 2019	430.634.363	8.217.730	-422.416.633

Đề nghị Trung tâm điều chỉnh giảm trích lập cải cách tiền lương trong 03 năm từ năm 2017, 2018 và 2019 là: 120.712.708 đồng (711.274.092đ - 409.570.168đ - 422.416.633đ).

5. Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ:

*Năm 2017: Đề nghị Trung tâm điều chỉnh giảm trích lập các quỹ, số tiền: 760.630.312 đồng, cụ thể:

STT	Nội dung	Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4 - 3
Năm 2017				
1	Số đầu kỳ	1.964.491.735	1.964.491.735	-

2	Số phát sinh tăng trong kỳ	2.197.956.431	1.437.326.119	-760.630.312
3	Số phát sinh giảm trong kỳ	1.186.335.239	1.186.335.239	-
4	Số được phân phối trong năm	2.976.112.927	2.215.482.615	-760.630.312
5	Trích lập các quỹ	2.976.112.927	2.215.482.615	-760.630.312

*Năm 2018: Trung tâm chưa trích lập các quỹ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ, sau khi xác định chênh lệch (thu, chi và cải cách tiền lương) số tiền 1.320.937.600 đồng phải trích vào các quỹ theo quy định, cụ thể:

STT	Nội dung	Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	Năm 2018			
1	Số đầu kỳ	2.976.112.928	2.215.482.615	-760.630.313
2	Số phát sinh tăng trong kỳ	1.542.847.033	2.863.784.633	1.320.937.600
3	Số phát sinh giảm trong kỳ	987.779.344	987.779.344	-
4	Số được phân phối trong năm	3.531.180.617	4.091.487.904	560.307.287
5	Trích lập các quỹ	3.531.180.617	4.091.487.904	560.307.287

*Năm 2019:

Đối với quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Trung tâm trích lập quỹ 30.000.000 đồng/882.268.904 đồng là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ.

Việc trích lập các quỹ Trung tâm chưa thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 12 quy chế chi tiêu nội bộ, và Quy chế chi tiêu nội bộ chưa quy định việc trích lập các Quỹ, mức trích hoặc tỉ lệ trích lập Quỹ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ;

Đối với nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh: Đề nghị Trung tâm điều chỉnh giảm trích lập các quỹ, số tiền: 784.488.082 đồng, cụ thể:

STT	Nội dung	Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	Năm 2019			
1	Số đầu kỳ	3.531.180.617	4.091.487.904	560.307.287
2	Số phát sinh tăng trong kỳ	799.749.531	15.261.449	-784.488.082
3	Số phát sinh giảm trong kỳ	682.232.546	682.232.546	-
4	Số được phân phối trong năm	3.648.697.602	3.424.516.807	-224.180.795
5	Trích lập các quỹ	3.648.697.602	3.424.516.807	-224.180.795

6. Tình hình quản lý, mua sắm tài sản, trang thiết bị:

a) Kiểm tra, đối chiếu việc quản lý tài sản, nhận thấy như sau:

Trung tâm có Bảng kiểm kê tài sản, nhưng chưa mở sổ theo dõi tài sản. Trên Bảng cân đối năm 2019 số dư cuối năm chi tiết về tài sản chưa khớp với thực tế, cụ thể sau:

STT	Nội dung	Bảng cân đối Số dư cuối năm 2019	Báo cáo kiểm kê tài sản	Chênh lệch tăng/giảm so thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.169.105.219	11.169.105.219	-
2	Phương tiện vận tải	634.397.134	662.797.134	-28.400.000
3	Máy móc thiết bị văn phòng	10.771.892.379	1.417.036.736	9.354.855.643
4	Máy móc thiết bị chuyên dùng	18.742.500	9.345.198.143	-9.326.455.643
5	Quyền sử dụng đất	17.423.390.000	17.423.390.000	-
6	Phần mềm ứng dụng	22.900.000	22.900.000	-
7	Tổng giá trị tài sản	40.040.427.232	40.040.427.232	-

Ngoài ra, Báo cáo kiểm kê tài sản năm 2019 không thể hiện giá trị tài sản Trạm Y tế phường Mỹ Hải về giá trị Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất; Trạm Y tế xã Thành Hải đã xây dựng mới nhưng chưa bổ sung theo dõi giá trị tài sản kịp thời.

Mặt khác, hiện nay Trung tâm chưa thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất (tất cả các cơ sở đất đang quản lý) để hạch toán theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Việc thuyết minh báo cáo tài chính về tài sản:

Năm 2018, Trên thuyết minh báo cáo tài chính tài sản được cấp từ cấp trên 243.662.500 đồng. Kiểm tra thực tế, Trung tâm nhận tài sản từ cấp trên và đơn vị khác chuyển về tổng số tiền 219.862.500 đồng (16 máy tính để bàn các Trạm Y tế, 01 Máy đo SPO); Trung tâm mua mới 02 máy điều hòa, số tiền 23.800.000 đồng từ nguồn dịch vụ.

Năm 2019, Trên thuyết minh báo cáo tài chính tài sản được cấp từ cấp trên 2.185.408.023 đồng. Kiểm tra thực tế, Trung tâm nhận tài sản từ đơn vị khác chuyển về theo nguyên giá tổng số tiền 925.952.600 đồng (01 mô tô: 20.000.000 đồng; 01 ô tô: 565.797.134 đồng; Máy móc, thiết bị VP: 169.004.300 đồng; Máy chuyên dùng: 134.536.166 đồng; Tủ an toàn sinh học cấp 1: 36.575.000 đồng).

Qua kiểm tra hồ sơ đơn vị cung cấp tại biên bản ngày 01/4/2019 giữa Trung tâm kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế Phan Rang-TC, gồm: tài sản có nguyên giá số tiền 134.536.166 đồng và tài sản, CCDC không đề nguyên giá (Máy phun DM 150XJ, Bộ dụng cụ điều tra bộ gậy), hiện nay cả 2 không thể hiện trên bảng

kiểm kê theo dõi. Đề nghị đơn vị bổ sung theo dõi tài sản, CCDC, gồm: Máy phun DM 150XJ, Bộ dụng cụ điều tra bộ gậy.

7. Việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: Trung tâm xây dựng quy chế hàng năm và thực hiện tương đối tốt quy chế đã xây dựng. Tuy nhiên, việc xây dựng cách chi trả công tác phí khoán tại khoản 1 Điều 5 Quy chế chi tiêu nội bộ chưa đúng theo khoản 1, Điều 6 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận kèm theo Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về thời gian đi công tác lưu động.

Tình hình công khai tài chính: chưa công khai đầy đủ về nội dung, số liệu tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

C. KẾT LUẬN:

Nhìn chung, Trung tâm đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, chấp hành chế độ về tài chính kế toán, mở sổ sách kế toán, chứng từ lưu trữ đầy đủ; ghi chép chứng từ thu, chi rõ ràng, phản ánh nội dung thu, chi kịp thời; công nợ được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng khách hàng cụ thể; thực hiện công khai tài chính theo quy định hàng năm tại đơn vị.

Tuy nhiên vẫn còn những tồn tại hạn chế như sau:

1. Đối với việc quản lý và sử dụng các nguồn tại Trung tâm:

Qua đối chiếu sổ chi tiết từng tài khoản khớp đúng số liệu trên Bảng cân đối tài khoản, nhưng tài khoản 112 phát sinh tăng, giảm không khớp số liệu xác nhận của Kho bạc nhà nước tỉnh.

Theo số liệu do Trung tâm cung cấp, và qua đối chiếu số phát sinh tại kho bạc nhận thấy nguồn kinh phí khen thưởng, kinh phí cấp hỗ trợ bệnh nhân nghèo Trung tâm không phản ánh trên báo cáo tài chính (do Sở Y tế cấp) với số tiền: 388.894.000 đồng (năm 2018: 373.446.000đ, năm 2019: 15.448.000đ).

2. Đối với nguồn ngân sách cấp:

Năm 2018: Trung tâm đã sử dụng nguồn ngân sách để thanh toán chế độ nghỉ phép năm cho 03 đối tượng (Trương Khánh Tiên, Hồ Thị Hà, Bùi Thị Thuần), số tiền 6.948.000 đồng là không đúng quy định tại Điều 3 Thông tư 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính Quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Chi chế độ trực lễ, tết: Trung tâm đã chi bồi dưỡng trực lễ tết vượt số ngày quy định tại Thông báo số 90/TB-UBND ngày 27/8/2018 về việc nghỉ lễ, treo cờ tổ quốc nhân kỷ niệm 73 năm quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2018) và Thông báo số 28/TB-UBND ngày 05/4/2019 về việc nghỉ lễ, treo cờ tổ quốc nhân Ngày giỗ tổ Hùng Vương (10/3 Âm lịch); kỷ niệm 44 năm Ngày giải phóng tỉnh Ninh Thuận; giải phóng miền nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2019) và Ngày quốc tế lao động (01/5); số tiền là 32.720.000 đồng (năm 2018: 9.360.000 đồng; năm 2019: 23.360.000 đồng)

Trung tâm đang áp dụng mức chi phụ cấp chức vụ cho Trưởng và Phó các Trạm Y tế xã, phường trực thuộc Trung tâm theo quy định tại khoản D mục II Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế nhưng Thông tư số 23/2005/TT-BYT là hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

3. Đối với nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác:

Trung tâm thực hiện tốt các quy định về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trung tâm quản lý và sử dụng nguồn dịch vụ để chi trả lương, phụ cấp, các khoản đóng góp bắt buộc đối với cán bộ, viên chức tại phòng khám Tháp Chàm và phòng khám tại Trung tâm; và chi trả phụ cấp độc hại, phụ cấp ưu đãi nghề đúng theo quy định tại Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 19/01/2012 của liên Bộ Y tế và Bộ Tài Chính.

Đối với nguồn thu khác, Trung tâm xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng.

4. Trích lập cải cách tiền lương đối với nguồn thu dịch vụ Khám chữa bệnh:

Đối với nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh, qua kiểm tra được xác định lại số chênh lệch từ nguồn cải cách tiền lương trong 03 năm (từ năm 2017 đến năm 2019) giảm số tiền: 120.712.708 đồng (711.274.092đ - 409.570.168đ - 422.416.633đ).

5. Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ:

Trung tâm chưa trích lập các quỹ theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh sau khi xác định lại số chênh lệch (thu, chi và cải cách tiền lương) trong 03 năm (từ năm 2017-2019) giảm số tiền: 224.180.795 đồng (năm 2017: -760.630.312đ; năm 2018: 1.320.937.600đ; năm 2019: -784.488.082đ).

6. Tình hình quản lý, mua sắm tài sản, trang thiết bị:

a) Kiểm tra, đối chiếu việc quản lý tài sản, nhận thấy như sau:

Trung tâm có Bảng kiểm kê tài sản, nhưng chưa mở sổ theo dõi tài sản. Trên Bảng cân đối năm 2019 số dư cuối năm chi tiết về tài sản chưa khớp với thực tế.

Ngoài ra, Báo cáo kiểm kê tài sản năm 2019 không thể hiện giá trị tài sản Trạm Y tế phường Mỹ Hải về giá trị Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất; Trạm Y tế xã Thành Hải đã xây dựng mới nhưng chưa bổ sung theo dõi giá trị tài sản kịp thời. Hiện nay, Trung tâm chưa thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất (tất cả các cơ sở đất đang quản lý) để hạch toán theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Việc thuyết minh báo cáo tài chính về tài sản:

Qua kiểm tra thực tế, Trung tâm nhận tài sản từ cấp trên và đơn vị khác chuyển về nhưng chưa phản ánh đầy đủ kịp thời với thuyết minh báo cáo tài chính đơn vị. Kiểm tra hồ sơ do đơn vị cung cấp chưa thể hiện trên bảng kiểm kê theo dõi tài sản (gồm có: Máy phun DM 150XJ, Bộ dụng cụ điều tra bọt gậy).

7. Việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Trung tâm xây dựng cách chi trả công tác phí khoán tại khoản 1 Điều 5 Quy chế chi tiêu nội bộ chưa phù hợp theo khoản 1, Điều 6 Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Về công khai tài chính: Chưa công khai đầy đủ về nội dung, số liệu tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

I. Đối với Trung tâm Y tế Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm:

1. Kiến nghị xử lý về tài chính:

Đề nghị Trung tâm thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước, số tiền: 39.668.000 đồng, cụ thể sau:

- Số tiền: 6.948.000 đồng do thanh toán chế độ nghỉ phép không đúng đối tượng theo quy định;

- Số tiền: 32.720.000 đồng do thanh toán chế độ trực lễ, tết không đúng quy định.

Đề nghị Trung tâm hạch toán lại trong năm 2020 giảm số tiền: 120.712.708 đồng từ trích lập (35%) nguồn cải cách tiền lương (từ năm 2017 đến năm 2019) và giảm số tiền: 224.180.975 đồng đối với trích lập các quỹ từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh.

2. Kiến nghị xử lý khác:

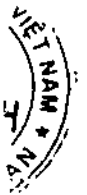
Đề nghị Trung tâm rà soát, đối chiếu và điều chỉnh số liệu trên từng tài khoản phát sinh với bảng cân đối tài khoản. Đồng thời, hạch toán các nguồn kinh phí bổ sung do Sở y tế cấp, số tiền: 388.894.000 đồng (năm 2018: 373.446.000đ, năm 2019: 15.448.000đ);

Kiến nghị Sở Y tế phối hợp Sở ngành có liên quan tham mưu ban hành quyết định quy định mức chi trả chế độ phụ cấp chức vụ cho Trưởng và Phó các Trạm Y tế xã, phường trực thuộc Trung tâm theo quy định;

Bổ sung giá trị tài sản Trạm Y tế phường Mỹ Hải về giá trị Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất; giá trị Nhà cửa, vật kiến trúc Trạm Y tế xã Thành Hải đã xây dựng mới vào sổ theo dõi tài sản; Thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Thực hiện việc trích lập Quỹ hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh theo điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ; và điều chỉnh về nội dung, giá trị tài sản trên Bảng cân đối đúng với Bảng kiểm kê tài sản;

Công khai tài chính theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; mở sổ theo dõi tài sản; Công khai việc mua sắm tài sản



vật tư y tế quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

II. Đối với Sở Y tế:

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn Trung tâm tổ chức thực hiện đúng quy định về chế độ tài chính kế toán, công khai tài chính theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; mở sổ theo dõi việc kê khai, quản lý và sử dụng tài sản đơn vị;

Hiện nay, hệ số phụ cấp chức vụ đối với Trưởng và Phó các Trạm Y tế xã, phường trực thuộc Trung tâm được áp dụng theo Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế Quy định hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế. Để thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Đề nghị Sở Y tế nên kiến nghị và phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định hệ số phụ cấp chức vụ đối với Trưởng và Phó các Trạm Y tế xã, phường trực thuộc Trung tâm và phụ cấp chức vụ đối với các đơn vị y tế không được xếp hạng.

* Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, đề nghị Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang-Tháp Chàm thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của Trung tâm theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra gửi về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài Chính; Báo cáo
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Y tế;
- Trung tâm Y tế tp.PR-TC;
- Lãnh đạo Sở (GD, PGD);
- Lưu: VT, HSTT. TTT

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Công Bình